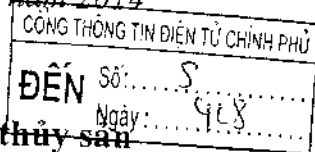


Số: **22** /2014/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày **29** tháng **7** năm **2014**



THÔNG TƯ

Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này 02 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về điều kiện nuôi thủy sản:

1. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cơ sở nuôi tôm nước lợ - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

Ký hiệu: **QCVN 02 - 19 : 2014/BNNPTNT.**

2. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Cơ sở nuôi cá Tra (*Pangasianodon hypophthalmus* Sauvage, 1878) trong ao - Điều kiện bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

Ký hiệu: **QCVN 02 - 20 : 2014/BNNPTNT.**

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày **01** tháng **02** năm **2015**

Điều 3. Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để Bộ nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- BT Cao Đức Phát (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các Tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Sở NN và PTNT các Tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Các Cục, Vụ, Viện, Trường Đại học thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Công báo, Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản, Bộ Tư pháp;
- Lưu VT, TCTS.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Vũ Văn Tám



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

QCVN 02 - 20 : 2014/BNNPTNT

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CƠ SỞ NUÔI CÁ TRA (*Pangasianodon hypophthalmus*
Sauvage, 1878) TRONG AO – ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỆ SINH
THÚ Y, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM**

*National technical regulation
On Striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus* Sauvage,
1878) culture farm in pond - Conditions for veterinary hygiene,
environmental protection and food safety*

HÀ NỘI – 2014

Lời nói đầu:

QCVN 02 - 2014/BNNPTNT do Tổng cục
Thủy sản biên soạn và trình ban hành; Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành kèm
theo Thông tư số 22/2014/TT-BNNPTNT ngày 29
tháng 7 năm 2014.



QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA
VỀ CƠ SỞ NUÔI CÁ TRA (*Pangasianodon hypophthalmus* Sauvage, 1878)
TRONG AO - ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM VỆ SINH THÚ Y, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

National technical regulation
*on Striped catfish (*Pangasianodon hypophthalmus* Sauvage, 1878)*
culture farm in pond – Conditions for veterinary hygiene, environmental
protection and food safety

1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chuẩn này quy định những điều kiện về địa điểm nuôi; cơ sở hạ tầng; hoạt động nuôi; nước thải, chất thải; lao động kỹ thuật của cơ sở nuôi thâm canh cá Tra (*Pangasianodon hypophthalmus* Sauvage, 1878) trong ao (sau đây gọi tắt là cơ sở nuôi) để bảo đảm vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường và an toàn thực phẩm.

1.2. Đối tượng áp dụng

Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân nuôi thâm canh cá Tra (*Pangasianodon hypophthalmus* Sauvage, 1878) trong ao trên phạm vi cả nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

1.3. Giải thích từ ngữ

Từ ngữ trong Quy chuẩn này được hiểu như sau:

Nuôi cá thâm canh: là hình thức nuôi cá hoàn toàn dựa vào thức ăn bên ngoài, mật độ thả giống cao.

2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Địa điểm nuôi

Phải phù hợp với quy hoạch nuôi cá Tra đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2.2. Cơ sở hạ tầng

2.2.1. Ao nuôi

2.2.1.1. Bờ ao chắc chắn bảo đảm không bị rò rỉ, sạt lở và xói mòn; độ sâu mực nước của ao nuôi tối thiểu 3m.

2.2.1.2. Hệ thống (cống hoặc ống dẫn) cấp và thoát nước riêng biệt. Không có cống thông giữa các ao nuôi.

2.2.2. Khu vực chứa bùn thải

2.2.2.1. Có bờ ngăn, không để thoát ra môi trường xung quanh.

2.2.2.2. Có diện tích tối thiểu 10% tổng diện tích ao nuôi.

2.2.3. Khu chứa nguyên vật liệu

P.

2.2.3.1. Có mái che, khô ráo, thông thoáng. Được ngăn riêng biệt cho từng loại nguyên vật liệu.

2.2.3.2. Thức ăn, ngư cụ, thuốc, vi sinh vật, chế phẩm sinh học, hóa chất và chất xử lý cải tạo môi trường sử dụng trong quá trình nuôi được đặt trên kệ. Kệ đặt cách tường nhà ít nhất 0,3m và cách nền nhà ít nhất 0,3m; có biện pháp ngăn chặn côn trùng và động vật gây hại.

2.2.3.3. Khu chứa xăng dầu phải cách biệt ao nuôi, hệ thống cấp nước; bảo đảm không rò rỉ ra khu vực xung quanh.

2.2.4. Nhà vệ sinh tự hoại

2.2.4.1. Đặt cách ao nuôi tối thiểu 30m. Có lối đi riêng không đi ngang qua khu vực nuôi cá Tra.

2.2.4.2. Có vòi nước rửa tay bên trong hoặc cạnh nhà vệ sinh. Cung cấp đủ nước, giấy vệ sinh và xà phòng rửa tay. Dụng cụ chứa rác thải nhà vệ sinh có nắp đậy.

2.2.4.3. Nước thải từ nhà vệ sinh được xả qua hệ thống nước thải riêng biệt không làm ảnh hưởng đến ao nuôi và hệ thống cấp nước.

2.2.5. Dụng cụ, thiết bị

2.2.5.1 Trong quá trình nuôi, dụng cụ, thiết bị chỉ được dùng chung giữa các ao nuôi sau khi đã vệ sinh sạch sẽ. Dụng cụ, thiết bị sau mỗi đợt sử dụng phải được vệ sinh sạch sẽ và phơi khô.

2.2.5.2. Động cơ và thiết bị sử dụng trong cơ sở nuôi bảo đảm không bị rò rỉ xăng, dầu ra khu vực xung quanh.

2.3. Hoạt động nuôi cá Tra

2.3.1. Chuẩn bị ao nuôi

2.3.1.1. Trước khi thả giống, cơ sở phải cải tạo ao bảo đảm đáy ao phẳng, dốc nghiêng về cống thoát, không bị thấm, không có mùn bã hữu cơ.

2.3.1.2. Chất lượng nước cấp vào ao nuôi bảo đảm giá trị của các thông số được quy định tại bảng 1 - Phụ lục 1.

2.3.1.3. Không có địch hại (tôm, cua, còng, ốc, côn trùng, cá tạp...) trong ao.

2.3.2. Giống thả nuôi

2.3.2.1. Giống thả nuôi phải có các giấy tờ, hóa đơn ghi xuất xứ rõ ràng; giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan có thẩm quyền.

2.3.2.2. Cỡ giống thả nuôi: chiều dài tối thiểu 10cm hoặc chiều cao thân tối thiểu 17mm.

2.3.3. Thức ăn

2.3.3.1. Thức ăn sử dụng trong quá trình nuôi phải có trong danh mục được phép lưu hành tại Việt Nam, có nhãn hàng hóa đầy đủ theo quy định về ghi nhãn hàng hóa và được bảo quản theo hướng dẫn ghi trên nhãn hàng hóa.